

Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA Số loại (Model code): HIACE
Loại xe (Type): Khách Màu sơn (Color): Bạc
Số máy (Engine N^o): 2TR-6977561
Số khung (Chassis N^o): RL4RX13P6A9003212
Công suất (Horsepower): 112 Dung tích (Capacity): 2694
Năm sản xuất (Year of manufacture): 2010 Tự trọng (Empty weight): 1905
Tải trọng (Loading capacity): Hàng hoá (Goods): kg;
Số chỗ (Seat capacity): Ngồi (Sit): 10 Đứng (Stand): Nằm (Lie):
Trọng lượng kéo theo (Towed weight): kg; Kích thước bao (Overall dimension):
Dài (Length): 4,840 m; Rộng (Width): 1,880 m; Cao (Height): 2,105 m
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm 2030

Valid until date

TP. Hồ Chí Minh, ngày (date) 09 tháng 11 năm 2010

TRƯỞNG PHÒNG

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
09/11/2010

THỦNG TÁ Nguyễn Hoàng Diệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

Mẫu số 10

BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11

Ngày 11/3/2009 của Bộ Công an

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ho Chi Minh City's Public security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The Traffic Police Division

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): **063097**

Tên chủ xe (Owner's full name):

VPĐD TẠI TPHCM-NH TMCP CÔNG THƯƠNG VN
Địa chỉ (Address):

Lầu 7 - 79A Hàm Nghi P.NTB Q.1
Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N^o/Passport):

Biển số đăng ký (N^o Plate): **53S-8939**

Biển đăng ký: 53S-8939
(Registration plate)

Số quản lý PT: 5003S-092262
(Vehicle inspection No.)

Loại phương tiện: ô tô khách
(Vehicle's type)

Nhãn hiệu, tên thương mại: TOYOTA
(Trademark, Commercial name)

Mã kiểu loại (Model code): HIACE TRH213L-JDMNKU

Số động cơ (Engine No): 2TR-6977561

Số khung (Chassis No): RL4RX13P6A9003212

Năm, Nước sản xuất: 2010, Việt Nam
(Production year, Country)

Công thức bánh xe: 4x2

Vết bánh xe:

1655/1650 (mm)

(Wheel formula)

(Wheel tread)

Kích thước bao (Overall dimensions):

4840x1880x2105 (mm)

KT khoang hành lý lớn nhất

(mm)

(Largest luggage container dimensions)

Khoảng cách trục (Wheel base):

2570 (mm)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

1905 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN:

(kg)

(Design/Authorized cargo pay mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP LN:

(kg)

(Design/Authorized towed mass)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN:

2750/-- (kg)

(Design/Authorized total mass)

Số người cho phép chở (không bao gồm người lái) ngồi: 9 đứng: 0 nằm: 0

(Permissible No of Pers carried, not include driver: seating, standing, lying)

Loại động cơ đốt trong (Engine type):

- Ký hiệu (Engine model): 2TR

- Thể tích làm việc (Engine Displacement):

2694 (cm³)

- Công suất lớn nhất/tốc độ quay:

111kW/4800rpm

(Maximum engine output/rpm)

- Loại nhiên liệu (Fuel): Xăng

(No:) DC-0522856

C091405

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục

(Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 195R15

2: 2; 195R15

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

5004V-03227/25

Có hiệu lực đến hết ngày

09/05/2025



TP. HCM ngày 10 tháng 2 năm 2025

(Issued on: Day/Month/Year)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(INSPECTION CENTER)

PHỤ TRÁCH TRUNG TÂM

Mai Lâm Kiệt



Có kinh doanh vận tải (Commercial

☐

Có cải tạo (Modification):

☐

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

☐

Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera)

☐

PT không được cấp tem KĐ (Vehicle not issued with inspection stamp)

☐

Ghi chú (Notes):

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№: DC 0522856